Trung Bo giang giai - Kinh so 43 & 44

Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikāya)

Trung Bo giang giai - Kinh so 43 & 44

Vietnamese, with Unicode Times font

Trung Bộ Kinh - Kinh số 43 & 44

Kinh

Phương Quảng Hòa thượng Thích Chơn Thiện

Kinh số 43

Đại kinh Phương Quảng

(Mahàvedallasuttam)

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- Liệt tuệ: Duppannà; Poor in intuitive wisdom: Không thấy với trí tuệ sự thật về khổ, khổ tập, khổ diệt và con đường dẫn tới khổ diệt. - Trí tuệ: Pannà; Intuitively wise: Có nghĩa là thắng tri (cái biết trực tiếp các pháp ở trong định), có nghĩa là liễu tri (cái thấy biết các pháp do đã đoạn tận lậu hoặc) có nghĩa là đoạn trừ (getting rid of) . II. NỘI DUNG KINH DÀI ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG 1. Bản kinh 43 là tập hợp của nhiều vấn đề giáo lý khác nhau được tôn giả Xá-lợi-phất phân biệt, cắt nghĩa với trí tuệ như thật, bao gồm các điểm:

- Trí tuệ và liệt tuệ (như được ghi rõ ở từ ngữ)

- Sự kết hợp, bất ly, giữa trí tuệ và thức tri: trí tuệ thì cần tu tập để thành tựu; Thức thì cần liễu tri nó.

- Về thọ, tưởng: cũng kết hợp, bất ly.

Qua đó, năm uẩn có chức năng riêng biệt, nhưng tất cả cùng vận hành, cùng có mặt. - Về Chánh tri kiến: để chánh tri kiến sanh khởi cần có đủ hai duyên: Tiếng của người khác (hay văn) và Như lý tác ý (hay tư). Để chánh tri kiến có tâm giải thoát và tuệ giải thoát thì cần có năm duyên hỗ trợ: Giới, văn, thảo luận, chỉ và quán. - Loài hữu tình tái sanh: do còn vô minh và tham ái. Nếu vô minh, tham ái được đoạn diệt thì chấm dứt tái sanh. - Năm căn hoạt động là do tuổi thọ; tuổi thọ còn là do hơi nóng; hơi nóng còn là do tuổi thọ còn. - Chết: Khi nào tuổi thọ, hơi nóng và thức từ bỏ. - Diệt thọ tưởng định: Hơi thở dứt (thân hành), tầm tứ dứt (khẩu hành) và thọ tưởng dứt (tâm hành), nhưng hơi nóng và tuổi thọ còn. 2. Sự phân biệt đặc biệt về: Vô tướng tâm giải thoát, vô sở hữu tâm giải thoát, vô lượng tâm giải thoát và không tâm giải thoát. 2.1. Vô tướng tâm giải thoát: Tác ý vô tướng giới, không tác ý nhất thiết tướng và cần một sự chuẩn bị trước thì an trú vào vô tướng tâm giải thoát. Chỉ cần tác ý nhất thiết tướng, không tác ý vô tướng giới thì liền xuất khỏi vô tướng tâm giải thoát. 2.2. Vô sở hữu tâm giải thoát: Ở vô sắc định, hành giả vượt qua thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì " thì liền

chứng và trú vô sở hữu tâm giải thoát. 2.3. Không tâm giải thoát: Khi hành thiền, hành giả suy nghĩ như sau: " Đây trống không, không có tự ngã hay không có ngã sở". Như vậy là không tâm giải thoát. 2.4. Vô lượng tâm giải thoát: Từ Tứ sắc định, hành giả biến mãn mười phương với tâm đi cùng với Từ, với Bi, với Hỷ, với Xả. Đây gọi là vô lượng tâm giải thoát. Bốn tâm trên, theo đó, có danh sai biệt và nghĩa sai biệt. Khi tâm giải thoát đoạn tận tham, sân, si, đắc bất động tâm giải thoát, thì bốn tâm giải thoát trên có nghĩa đồng nhất nhưng danh sai biệt. III. BÀN THÊM 1. Bản kinh dài Phương Quảng cũng đã để lại nhiều ý nghĩa cần ghi nhớ rõ, rất cần thiết như: Trí tuệ, Liệt tuệ, Chánh Tri Kiến, các tâm giải thoát và Diệt thọ tưởng định. 2. Về Chánh Tri Kiến, cần ghi rõ ý nghĩa thế nào là Chánh tri kiến; điều kiện để sinh khởi Chánh tri kiến; và các duyên hỗ trợ Chánh tri kiến có tâm giải thoát và tuệ giải thoát. 3. Đặc biệt về Diệt thọ tưởng định, định mà không thể có trong kinh nghiệm tâm lý của ngoại đạo, cho thấy ở đó thân hành (hơi thở), khẩu hành (tầm tứ hay hành uẩn) và tâm hành (thọ, tưởng) đều chấm dứt. Chỉ còn hơi nóng và tuổi thọ tồn tại (như là hữu dư y) cho ta nhận thức là năm uẩn diệt. Tại đó chánh trí sinh khởi, Niết bàn hiện diện.

Kinh số 44

Tiểu kinh Phương Quảng

(Culavedallasyttam)

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- Visàkha: Theo Trưởng lão Tăng kệ và Ni kệ, Dhammadinnà vốn là vợ của Visàkha sống hạnh phúc trong đời sống gia đình. Visàkha nghe Thế Tôn thuyết pháp và đắc quả A-na-hàm. Từ đó Visàkha không nhận các cử chỉ thân mật đối xử từ vợ, quyết định giao toàn bộ gia sản cho vợ và xuất gia. Dhammadinà nghĩ rằng Visàkha có thể đắc Thánh quả thì bà cũng có thể, liền xin Trưởng lão Ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề xuất gia, tinh cần tu tập, không bao lâu bà đắc quả A-la- hán khi Visàkha chưa kịp xuất gia. Được tin Tỷ-kheo-ni Dhammadinnà đắc Thánh quả, Visàkha đến yết kiến, thử tìm hiểu sự thật. Câu chuyện vấn đạo của Visàkha được kiết tập thành bản kinh 44. Dhammadinà trả lời câu hỏi về Diệt thọ tưởng định và Niết bàn chứng tỏ ni cô đã đắc A la-hán, quả vị mà Visàkha chưa có kinh nghiệm giải thoát. Các câu hỏi từ đầu đến "Thân kiến" là trắc nghiệm về sự chứng ngộ quả Tu-đà-hoàn. Câu hỏi về "Bát thánh đạo" là hữu vi hay vô vi là trắc nghiệm kinh nghiệm giải thoát đến A-na- hàm (Hữu học). Câu hỏi về Diệt thọ tưởng định và Niết bàn là trắc nghiệm quả chứng A-la-hán. Các câu trả lời của ni cô Dhammadinà đã vượt khỏi hiểu biết của Visàkha, chỉ có đức Thế Tôn mới dạy rõ, và đức Thế Tôn đã xác nhận; "Tỷ-kheo-ni Dhammadinà là bậc Hiền trí! là bậc Đại tuệ..." - Không xúc: Sunnato phasso: Impingement thas is void: Hành giả thấy không có ngã, không có ngã sở: thấy rõ sự thật vô ngã. - Vô tướng xúc: Amimitto phasso: Impingement that is signless: Thấy rõ vô thường. - Vô Nguyện xúc: Appanihito phasso: Impingement that is undirected (to ill): hành giả nhận ra tham, sân, si dẫn đến khổ đau nên tâm không còn tham, sân, si. I I. NỘI DUNG KINH NGẮN PHƯƠNG QUẢNG 1. Bản kinh có các nét giáo lý đáng chú ý:

1.1. Phân biệt năm uẩn và năm "thủ uẩn"... 1.2. Định nghĩa thực chất của "thân kiến" (Sakkàyaditthi) : Xem sắc, thọ, tưởng, hành, thức là tự ngã... 1.3. Bát Thánh đạo là pháp hữu vi... 1.4. Thở vô, ra là thân hành; tầm, tứ là khẩu hành và thọ, tưởng là tâm hành. 1.5. Về tâm hành của một vị chứng nhập Diệt thọ tưởng định và xuất khởi Diệt thọ tưởng định... 1.6. Định nghĩa về Niết bàn: Niết bàn không thể bàn được, vì đã thoát ly Ngũ thủ uẩn

2. Visàkha chưa chứng quả "Vô học" nên không thể lượng định được về Diệt thọ tưởng định và Niết bàn. Chỉ có thể chứng mới biết, chứ không thể biết qua ngôn ngữ. III. BÀN THÊM 1. Tỷ-kheo-ni Dhammadinà đến với Thế Tôn, Tăng già, sau cư sĩ Visakhà, nhưng lại chứng quả A-la-hán trước Visàkha. Điều nầy nói lên rằng về mặt giải thoát, đoạn trừ lậu hoặc, hay mặt trí tuệ giải thoát, thân nữ không có gì vướng ngại. 2. Nam cư sĩ Visàkha, dù đã đắc A-na hàm, vẫn theo pháp, cung kính đảnh lễ Tỷ-kheo-ni Dhammadìna. Đảnh lễ này còn biểu hiện ý nghĩa là đảnh lễ một trí tuệ giải thoát. Thật đáng suy gẫm! -ooOoo-

Source: Người Cư Sĩ, France, http://cusi.free.fr

(Nguyên Trừng đánh máy theo ấn bản do Hòa Thượng Chơn Thiện trao tặng)

[Trích giảng Trung Bộ][Trở về trang Thư Mục]

last updated: 10-03-2005

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.